



LỊCH THI CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 (chỉnh sửa lần 2)

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Ghi Chú
1	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002201	24ĐHTT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 1	16:30	6	11/04/2025	1	1-30	
2	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002201	24ĐHTT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 1	18:30	6	11/04/2025	2	31-59	
3	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002202	24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	12:30	6	11/04/2025	1	1-30	
4	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002202	24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	14:30	6	11/04/2025	2	31-60	
5	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002206	24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	16:30	6	11/04/2025	1	1-30	
6	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002206	24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	18:30	6	11/04/2025	2	31-60	
7	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008307	24ĐHQT07	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	54	Sân tập 6	7:30	6	11/04/2025	1	1-30	
8	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008307	24ĐHQT07	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	54	Sân tập 6	9:30	6	11/04/2025	2	31-54	
9	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008308	24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	45	Sân tập 7	12:30	6	11/04/2025	1	1-23	
10	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008308	24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	45	Sân tập 7	14:30	6	11/04/2025	2	24-45	
11	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002003	24ĐHNA03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	48	Sân tập 4	7:30	7	12/04/2025	1	1-24	
12	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002003	24ĐHNA03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	48	Sân tập 4	9:30	7	12/04/2025	2	25-48	
13	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002016	24ĐHDL03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	57	Sân tập 3	16:30	7	12/04/2025	1	1-30	
14	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002016	24ĐHDL03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	57	Sân tập 3	18:30	7	12/04/2025	2	31-57	
15	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002208	24ĐHKVC1	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 1	12:30	7	12/04/2025	1	1-20	
16	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002208	24ĐHKVC1	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 1	14:30	7	12/04/2025	2	21-40	
17	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002210	24ĐHDL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	7:30	7	12/04/2025	1	1-30	
18	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002210	24ĐHDL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	9:30	7	12/04/2025	2	31-60	
19	Giáo dục thể chất - Bóng đá	010100158801	24ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 6	12:30	7	12/04/2025	1	1-30	
20	Giáo dục thể chất - Bóng đá	010100158801	24ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 6	14:30	7	12/04/2025	2	31-60	
21	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002005	24ĐHNA05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 3	12:30	8	13/04/2025	1	1-30	
22	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002005	24ĐHNA05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 3	14:30	8	13/04/2025	2	31-59	
23	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008305	24ĐHQT05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	49	Sân tập 7	12:30	8	13/04/2025	1	1-25	
24	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008305	24ĐHQT05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	49	Sân tập 7	14:30	8	13/04/2025	2	26-49	
25	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008306	24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	37	Sân tập 7	16:30	8	13/04/2025	1	1-18	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Ghi Chú
26	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008306	24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	37	Sân tập 7	18:30	8	13/04/2025	2	19-37	
27	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008311	24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	16:30	8	13/04/2025	1	1-30	
28	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008311	24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	18:30	8	13/04/2025	2	31-60	
29	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008314	24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 6	12:30	8	13/04/2025	1	1-30	
30	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008314	24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 6	14:30	8	13/04/2025	2	31-60	
31	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023301	24ĐHNL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 7	7:30	8	13/04/2025	1	1-30	
32	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023301	24ĐHNL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 7	9:30	8	13/04/2025	2	31-60	
33	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023302	24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 6	7:30	8	13/04/2025	1	1-30	
34	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023302	24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 6	9:30	8	13/04/2025	2	31-60	
35	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023303	24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 5	7:30	8	13/04/2025	1	1-30	
36	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023303	24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 5	9:30	8	13/04/2025	2	31-60	
37	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023305	24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	7:30	8	13/04/2025	1	1-30	
38	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	010100023305	24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	9:30	8	13/04/2025	2	31-60	
39	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002001	23ĐHĐT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	57	Sân tập 4	12:30	8	13/04/2025	1	1-32	
40	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002001	23ĐHĐT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	57	Sân tập 4	14:30	8	13/04/2025	2	32-57	
41	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	011100023302	24ĐHĐT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	32	Sân tập 6	16:30	8	13/04/2025			
42	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008312	24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 7	12:30	2	14/04/2025	1	1-30	
43	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008312	24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 7	14:30	2	14/04/2025	2	31-60	
44	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002005	24ĐAKT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	16:30	2	14/04/2025	1	1-30	
45	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002005	24ĐAKT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	18:30	2	14/04/2025	2	31-60	
46	Giáo dục thể chất - Bóng đá	011100158801	24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	7:30	2	14/04/2025	1	1-30	
47	Giáo dục thể chất - Bóng đá	011100158801	24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	9:30	2	14/04/2025	2	31-60	
48	Giáo dục thể chất - Bóng đá	011100158802	24ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	62	Sân tập 4	12:30	2	14/04/2025	1	1-30	
49	Giáo dục thể chất - Bóng đá	011100158802	24ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	62	Sân tập 4	14:30	2	14/04/2025	2	31-62	
50	Giáo dục thể chất - Bóng đá	011100158803	24ĐHKT03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	16:30	2	14/04/2025	1	1-30	
51	Giáo dục thể chất - Bóng đá	011100158803	24ĐHKT03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	18:30	2	14/04/2025	2	31-60	
52	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002010	24ĐHKV01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 3	7:30	3	15/04/2025	1	1-30	
53	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002010	24ĐHKV01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 3	9:30	3	15/04/2025	2	31-59	
54	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002011	24ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	51	Sân tập 2	12:30	3	15/04/2025	1	1-25	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Ghi Chú
55	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002011	24ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	51	Sân tập 2	14:30	3	15/04/2025	2	26-51	
56	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002203	24ĐHTT03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 1	16:30	3	15/04/2025	1	1-30	
57	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002203	24ĐHTT03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 1	18:30	3	15/04/2025	2	31-60	
58	Giáo dục thể chất-Vô cõ truyền VN	010100008310	24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 7	7:30	3	15/04/2025	1	1-30	
59	Giáo dục thể chất-Vô cõ truyền VN	010100008310	24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 7	9:30	3	15/04/2025	2	31-60	
60	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002002	24ĐHKL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	12:30	3	15/04/2025	1	1-30	
61	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002002	24ĐHKL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	14:30	3	15/04/2025	2	31-60	
62	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002003	24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	16:30	3	15/04/2025	1	1-30	
63	Giáo dục thể chất-bóng rổ	011100002003	24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	18:30	3	15/04/2025	2	31-60	
64	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002001	24ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	12:30	4	16/04/2025	1	1-30	
65	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002001	24ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	14:30	4	16/04/2025	2	31-60	
66	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002214	24ĐHNA09	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 1	16:30	4	16/04/2025	1	1-30	
67	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002214	24ĐHNA09	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 1	18:30	4	16/04/2025	2	31-60	
68	Giáo dục thể chất-Vô cõ truyền VN	010100008303	24ĐHQT03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	58	Sân tập 7	16:30	4	16/04/2025	1	1-30	
69	Giáo dục thể chất-Vô cõ truyền VN	010100008303	24ĐHQT03	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	58	Sân tập 7	18:30	4	16/04/2025	2	31-58	
70	Giáo dục thể chất-Vovinam	010100176201	24ĐHNA02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 5	12:30	4	16/04/2025	1	1-30	
71	Giáo dục thể chất-Vovinam	010100176201	24ĐHNA02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 5	14:30	4	16/04/2025	2	31-59	
72	Giáo dục thể chất-Vovinam	010100176202	24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	55	Sân tập 4	7:30	4	16/04/2025	1	1-30	
73	Giáo dục thể chất-Vovinam	010100176202	24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	55	Sân tập 4	9:30	4	16/04/2025	2	31-55	
74	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002008	24ĐHNA08	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	7:30	5	17/04/2025	1	1-30	
75	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002008	24ĐHNA08	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	9:30	5	17/04/2025	2	31-60	
76	Giáo dục thể chất-bóng rổ (Physical Education - Basketball)	010100002018	24ĐHKQ01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	7:30	5	17/04/2025	1	1-30	
77	Giáo dục thể chất-bóng rổ (Physical Education - Basketball)	010100002018	24ĐHKQ01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	9:30	5	17/04/2025	2	31-60	
78	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002019	24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	16:30	5	17/04/2025	1	1-30	
79	Giáo dục thể chất-bóng rổ	010100002019	24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	18:30	5	17/04/2025	2	31-60	
80	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002212	24ĐHDLC3	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 1	16:30	5	17/04/2025	1	1-30	
81	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002212	24ĐHDLC3	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 1	18:30	5	17/04/2025	2	31-59	
82	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002213	24ĐHDLC4	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 2	12:30	5	17/04/2025	1	1-30	
83	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002213	24ĐHDLC4	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	59	Sân tập 2	14:30	5	17/04/2025	2	31-59	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Ghi Chú
84	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008309	24ĐHQT09	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 7	12:30	5	17/04/2025	1	1-30	
85	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	010100008309	24ĐHQT09	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 7	14:30	5	17/04/2025	2	31-60	
86	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002204	24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	16:30	7	19/04/2025	1	1-30	
87	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002204	24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 2	18:30	7	19/04/2025	2	31-60	
88	Giáo dục thể chất-bóng chuyền - Physical Education - Volley ball	010100002207	24ĐAKV01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	61	Sân tập 5	7:30	7	19/04/2025	1	1-30	
89	Giáo dục thể chất-bóng chuyền - Physical Education - Volley ball	010100002207	24ĐAKV01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	61	Sân tập 5	9:30	7	19/04/2025	2	31-61	
90	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002209	24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	12:30	7	19/04/2025	1	1-30	
91	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002209	24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 4	14:30	7	19/04/2025	2	31-60	
92	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002211	24ĐHDLC2	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	58	Sân tập 1	12:30	7	19/04/2025	1	1-30	
93	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002211	24ĐHDLC2	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	58	Sân tập 1	14:30	7	19/04/2025	2	31-58	
94	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002215	24ĐHQT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 5	16:30	7	19/04/2025	1	1-30	
95	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	010100002215	24ĐHQT01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 5	18:30	7	19/04/2025	2	31-60	
96	Giáo dục thể chất-bóng rổ (Physical Education - Basketball)	011100002004	24ĐAKL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	7:30	7	19/04/2025	1	1-30	
97	Giáo dục thể chất-bóng rổ (Physical Education - Basketball)	011100002004	24ĐAKL01	Khoa Cơ bản	Thực hành	1	60	Sân tập 3	9:30	7	19/04/2025	2	31-60	

Lập bảng


Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


TS. Trần Thiện Lưu